



CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Muối Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Kim Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Đoàn Thanh Hưng	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Sơn	Giám đốc Công ty
Ông Hoàng Khâm	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Kim Sơn	Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Kim Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022



Số: 055/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Muối Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Muối Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2022, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản vay ngắn hạn với số nợ gốc tại ngày 31/12/2021 là 23.087.843.072 VND (tại ngày 01/07/2021 là 23.587.843.072 VND), tuy nhiên Công ty không lưu trữ hồ sơ, không có xác nhận số dư, chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho các khoản vay này. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến số dư này nên không đưa ra nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản vay ngắn hạn này cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày, chậm luân chuyển với giá trị ghi sổ là 5.429.411.689 VND chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nào để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho này tại ngày 31/12/2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến hàng tồn kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá vốn hàng bán, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 01/07/2021, Công ty đã chính thức hoạt động là Công ty Cổ phần Muối Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105873523 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/07/2021. Báo cáo tài chính lập cho kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021 nên số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.

Theo Quyết định số 263/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 29/11/2021, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc phê duyệt Phần vốn nhà nước để lại tại Công ty Cổ phần Muối Việt Nam là 28.399.280.000 VND, do đó trong kỳ Công ty Cổ phần Muối Việt Nam đã kết chuyển phần lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước với giá trị là 19.400.720.000 VND sang giảm phần Vốn góp của chủ sở hữu với giá trị tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề được nêu trên.



Lê Xuân Thăng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/07/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.417.084.907	86.456.910.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.763.295.984	19.422.359.036
1. Tiền	111		8.763.295.984	19.422.359.036
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	20.500.000.000	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.500.000.000	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.971.594.619	47.548.066.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	36.989.260.331	39.348.226.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		884.834.837	545.034.837
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.684.966.504	7.648.598.880
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.593.674.053)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.207.000	6.207.000
IV. Hàng tồn kho	140	8	14.674.487.745	17.450.331.641
1. Hàng tồn kho	141		14.865.079.977	17.450.331.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(190.592.232)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.507.706.559	1.536.153.411
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	137.305.120	176.536.982
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.267.838.747	1.257.053.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	102.562.692	102.562.692
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.875.031.502	25.383.096.282
I. Tài sản cố định	220		16.152.306.845	16.394.882.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	16.152.306.845	16.394.882.000
- Nguyên giá	222		33.030.821.856	32.935.208.286
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.878.515.011)	(16.540.326.286)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	451.285.070
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	451.285.070
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	315.000.000	8.315.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		315.000.000	315.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	8.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		407.724.657	221.929.212
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	407.724.657	221.929.212
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		89.292.116.409	111.840.007.206

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2021	01/07/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		64.643.153.068	83.440.727.206
I. Nợ ngắn hạn	310		64.643.153.068	83.440.727.206
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	23.826.075.765	24.783.653.063
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119.250.000	320.823.450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.128.769.083	1.188.341.293
4. Phải trả người lao động	314		890.842.169	1.995.290.435
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		475.378.270	395.215.845
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	13.022.684.376	29.077.249.715
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	25.180.080.072	25.680.080.072
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.333	73.333
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.648.963.341	28.399.280.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	24.648.963.341	28.399.280.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.691.200.000	47.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.691.200.000	47.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.057.359	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.065.294.018)	(19.400.720.000)
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(16.405.630.910)
- Lũy kỳ này	421b		(19.065.294.018)	(2.995.089.090)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		89.292.116.409	111.840.007.206

Nguyễn Thị Hòa
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Thị Hòa
Kế toán trưởng





Nguyễn Kim Sơn
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	118.381.377.639
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.319.970
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	118.363.057.669
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	17	112.326.113.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.036.944.237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	155.939.348
7. Chi phí tài chính	22	19	142.981.970
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.427.376
8. Chi phí bán hàng	25	20	4.440.669.590
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	20.730.583.806
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(19.121.351.781)
11. Thu nhập khác	31		63.223.633
12. Chi phí khác	32		7.165.870
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		56.057.763
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(19.065.294.018)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(19.065.294.018)


Nguyễn Thị Hòa
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022


Nguyễn Thị Hòa
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Sơn
Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(19.065.294.018)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	703.460.225
- Các khoản dự phòng	03	17.784.266.285
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(192.727.769)
- Chi phí lãi vay	06	100.427.376
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(669.867.901)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.904.762.642
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.585.251.664
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.879.114.155)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(146.563.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.794.468.667
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(213.510.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	36.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	223.160.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.953.531.719)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(10.659.063.052)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.422.359.036
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)		8.763.295.984



Nguyễn Thị Hòa
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Thị Hòa
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Sơn
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Muối Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam theo Quyết định số 355/QĐ-TCTLTMB của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0105873523 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/04/2012; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 01/07/2021 (ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần). Vốn điều lệ của Công ty là 43.691.200.000 VND (tương đương với 4.369.120 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 160 người (tại ngày 01/07/2021 là 140 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác muối;
- Sản xuất muối từ muối mua, bao gồm trộn muối I ốt;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn muối công nghiệp;
- Bán lẻ lương thực;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê nhà, mặt bằng, diện tích mặt hồ,...
- Các ngành nghề kinh doanh khác theo đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác muối;
- Sản xuất muối từ muối mua, bao gồm trộn muối I ốt;
- Bán buôn muối công nghiệp;
- Cho thuê nhà, mặt bằng, diện tích mặt hồ,...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Ngoài trụ sở chính của Công ty tại số 5 - 7 Hàng Gà, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Công ty có chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc tại xóm 11, xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tại ngày 1/7/2021, Công ty đã chính thức hoạt động là Công ty Cổ phần Muối Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105873523 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/07/2021. Theo đó, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ phần Muối Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hao hụt trong định mức, Công ty chỉ xuất về mặt số lượng, phần giá trị không hạch toán vào giá vốn hàng bán mà phân bổ giá trị đó cho lượng hàng tồn kho còn tồn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa việt kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	08 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa văn phòng Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 25.475.961.057 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>	<u>Tại ngày 01/07/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	577.658.056	1.077.797.358
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.185.637.928	18.344.561.678
Cộng	8.763.295.984	19.422.359.036

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>		<u>Tại ngày 01/07/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.500.000.000	20.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	20.500.000.000	20.500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.500.000.000	20.500.000.000	500.000.000	500.000.000
<i>Dài hạn</i>	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo và không được phân loại là tương đương tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>	<u>Tại ngày 01/07/2021</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	36.989.260.331	39.348.226.119
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	18.197.718.000	21.190.773.000
Công ty TNHH Vinh Phát Đạt	3.590.910.987	3.590.910.987
Đài Loan	2.038.029.475	2.038.029.475
Công ty Bắc Nhị Hà	1.858.093.492	1.858.093.492
Công ty TNHH Minh Hà	1.762.946.008	1.762.946.008
Các đối tượng khác	9.541.562.369	8.907.473.157
Phải thu khách hàng là bên liên quan	18.197.718.000	21.190.773.000
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	18.197.718.000	21.190.773.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>		<u>Tại ngày 01/07/2021</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu của nhân viên	4.736.765.328	-	4.736.765.328	-
- Tạm ứng	1.584.941.872	-	1.784.832.305	-
- Trích trước lãi tiền gửi	-	-	67.250.512	-
- Phải thu khác	195.681.505	-	892.172.936	-
- Chi phí Ban dự án	167.577.799	-	167.577.799	-
Cộng	6.684.966.504	-	7.648.598.880	-

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>		<u>Tại ngày 01/07/2021</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.526.305.578	-	7.538.569.006	-
Công cụ, dụng cụ	1.372.944.086	-	1.399.280.562	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.700.403.559	190.592.232	1.168.468.189	-
Thành phẩm	3.091.872.194	-	3.474.296.824	-
Hàng hóa	3.173.554.560	-	3.869.717.060	-
Cộng	14.865.079.977	190.592.232	17.450.331.641	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐHH khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/07/2021	22.555.725.265	3.986.543.178	3.110.689.499	3.282.250.344	32.935.208.286
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	460.885.070	-	-	-	460.885.070
Phân loại lại	(293.173.408)	-	(365.271.500)	293.173.408	-
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-	(365.271.500)
Tại ngày 31/12/2021	22.723.436.927	3.986.543.178	2.745.417.999	3.575.423.752	33.030.821.856
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/07/2021	9.554.708.369	3.360.742.922	2.530.798.193	1.094.076.802	16.540.326.286
Khấu hao trong kỳ	424.332.170	69.668.101	99.277.166	110.182.788	703.460.225
Phân loại lại	(150.425.050)	-	-	150.425.050	-
Thanh lý trong kỳ	-	-	(365.271.500)	-	(365.271.500)
Tại ngày 31/12/2021	9.828.615.489	3.430.411.023	2.264.803.859	1.354.684.640	16.878.515.011
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/07/2021	13.001.016.896	625.800.256	579.891.306	2.188.173.542	16.394.882.000
Tại ngày 31/12/2021	12.894.821.438	556.132.155	480.614.140	2.220.739.112	16.152.306.845

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 7.560.801.783 VND (tại ngày 01/07/2021 là 5.761.951.729 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>	<u>Tại ngày 01/07/2021</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	137.305.120	176.536.982
Công cụ dụng cụ, vật tư sửa chữa	137.305.120	176.536.982
Dài hạn	407.724.657	221.929.212
Công cụ dụng cụ, vật tư sửa chữa	407.724.657	221.929.212
	545.029.777	398.466.194

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>		<u>Tại ngày 01/07/2021</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán	23.826.075.765	23.826.075.765	24.783.653.063	24.783.653.063
Chi nhánh Đầu tư và Phát triển vùng nguyên liệu Đồng bằng Sông Cửu Long - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	13.620.000.000	13.620.000.000	10.559.190.000	10.559.190.000
Chi nhánh Công ty CP Lương thực Lương Yên tại Đồng bằng Sông Cửu Long	4.497.633.000	4.497.633.000	-	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	10.461.495.000	10.461.495.000
Công ty TNHH Muối Khánh Vinh	3.384.654.460	3.384.654.460	2.376.531.960	2.376.531.960
Các đối tượng khác	2.323.788.305	2.323.788.305	1.386.436.103	1.386.436.103
Trong đó phải trả người bán bên liên quan	18.117.633.000	18.117.633.000	21.020.685.000	21.020.685.000
Chi nhánh Đầu tư và Phát triển vùng nguyên liệu Đồng bằng Sông Cửu Long - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	13.620.000.000	13.620.000.000	10.559.190.000	10.559.190.000
Chi nhánh Công ty CP Lương thực Lương Yên tại Đồng bằng Sông Cửu Long	4.497.633.000	4.497.633.000	-	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	10.461.495.000	10.461.495.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/07/2021	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	Tại ngày 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	18.996.288	-	18.996.288	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.705.000	-	6.705.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	33.870.922	582.639.740	616.510.662	-
Các loại thuế khác (i)	1.128.769.083	76.777.139	76.777.139	1.128.769.083
Cộng	1.188.341.293	659.416.879	718.989.089	1.128.769.083
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	492.192	-	-	492.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.070.500	-	-	102.070.500
Cộng	102.562.692	-	-	102.562.692

Ghi chú:

- (i) Số dư phải trả các loại thuế khác là các khoản thuế và phạt chậm nộp thuế chuyển từ Tổng Công ty Muối Việt Nam trước khi chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Muối Việt Nam).

13. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/07/2021
	VND	VND
Phải trả theo Biên bản thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2.365.418.892	2.365.418.892
Tiền thuê đất và thuê nhà tại Hàng Gà	175.000.000	426.040.400
Vốn góp Công ty cổ phần	-	15.306.816.637
Phải trả cổ phần hóa (i)	10.090.695.582	10.182.276.223
Tiền trợ cấp mất việc làm	21.132.205	178.204.000
Phải trả khác	370.437.697	618.493.563
Cộng	13.022.684.376	29.077.249.715

Ghi chú:

- (i) Phải trả cổ phần hóa là khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI VIỆT NAM
Số 5 - 7 Hàng Gà, phường Hàng Bồ,
Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/07/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	25.180.080.072	2.092.237.000	25.680.080.072	25.680.080.072
<i>Vay tổ chức (i)</i>	23.087.843.072	-	23.587.843.072	23.587.843.072
<i>Ngân hàng Nông nghiệp</i>	22.587.843.072	-	22.587.843.072	22.587.843.072
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	500.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Vay cá nhân (ii)</i>	2.092.237.000	2.092.237.000	2.092.237.000	2.092.237.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản vay tổ chức là các khoản vay của Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp ngành Muối và Công ty Xây dựng và Tư vấn Đầu tư, đây là hai đơn vị thuộc Tổng Công ty Muối Việt Nam cũ đã dừng hoạt động trước khi Tổng Công ty Muối Việt Nam sáp nhập mới Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc. Công ty không lưu giữ hồ sơ cũng như không xác định nghĩa vụ cụ thể của Công ty đối với các khoản vay này.
- (ii) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất 9,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	47.800.000.000	-	(19.400.720.000)	28.399.280.000
Tăng vốn trong kỳ	15.291.920.000	23.057.359	-	15.314.977.359
Lỗ trong kỳ	-	-	(19.065.294.018)	(19.065.294.018)
Kết chuyển giảm vốn Nhà nước (i)	(19.400.720.000)	-	19.400.720.000	-
Số dư cuối kỳ này	43.691.200.000	23.057.359	(19.065.294.018)	24.648.963.341

Ghi chú:

(i) Theo Quyết định số 263/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 29/11/2021 về phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần:

- + Phần vốn nhà nước để lại tại Công ty Cổ phần Muối Việt Nam là 28.399.280.000 VND;
- + Phần vốn nhà nước phải nộp về Nhà nước (Quỹ hỗ trợ sắp xếp phát triển doanh nghiệp) là 10.090.695.582 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 01/07/2021, vốn điều lệ của Công ty là 43.691.200.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2021	Tỷ lệ
	VND	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	28.399.280.000	65%
Ông Đoàn Thanh Hưng	12.783.920.000	29,26%
Các đối tượng khác	2.508.000.000	5,74%
Cộng	43.691.200.000	100%

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.381.377.639
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	118.381.377.639
Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.319.970)
Chiết khấu thương mại	(18.319.970)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.363.057.669

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	112.326.113.432
Cộng	112.326.113.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/07/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	155.909.587
Doanh thu tài chính khác	29.761
Cộng	<u>155.939.348</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/07/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	VND
Lãi tiền vay	100.427.376
Chi phí tài chính khác	42.554.594
Cộng	<u>142.981.970</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Từ ngày 01/07/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	VND
Chi phí nhân công	1.134.677.913
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	49.058.743
Chi phí khấu hao	3.088.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.809.368.348
Chi phí khác	444.475.614
Cộng	<u>4.440.669.590</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/07/2021</u> <u>đến ngày 31/12/2021</u>
	VND
Chi phí nhân công	1.006.494.219
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	14.137.078
Chi phí khấu hao	235.607.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	954.064.213
Chi phí khác	926.606.393
Chi phí dự phòng	17.593.674.053
Cộng	<u>20.730.583.806</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND
Chi phí nhân công	6.259.002.847
Chi phí nguyên vật liệu	13.510.684.446
Chi phí khấu hao	703.460.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.784.266.285
Chi phí khác	97.770.565.041
Chi phí dự phòng	1.673.428.833
Cộng	137.701.407.677

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này
	VND
Lỗ trước thuế	(19.065.294.018)
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>	<i>7.165.870</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>7.165.870</i>
Thu nhập chịu thuế	(19.058.128.148)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-

Trong kỳ, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không có sự khác biệt với lợi nhuận trước thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Số lỗ kế toán dự kiến được chuyển sang các năm sau như sau:

Năm	Tình Trạng	Kế toán	Số lỗ	Số lỗ còn được
		VND	đã chuyển	chuyển
		VND	VND	VND
2019	Đã quyết toán	(5.765.659.433)	3.240.407.145	(2.525.252.288)
2020	Đã quyết toán	(3.892.580.621)	-	(3.892.580.621)
Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021	Chưa quyết toán	(19.058.128.148)	-	(19.058.128.148)
	Cộng	(28.716.368.202)	3.240.407.145	(25.475.961.057)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày ở Thuyết minh số 6 và 11, Công ty còn có các giao dịch với số dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bản chất	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
Bên liên quan	VND
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa	
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ 91.427.209.500
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	
Chi nhánh Công ty CP Lương thực Lương Yên tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Công ty mẹ 22.310.943.000
Chi nhánh Đầu tư và Phát triển Vùng nguyên liệu Đồng bằng Sông Cửu Long - TCT LT Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ 50.221.172.500
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ 9.445.275.000
Chi nhánh TCTLT Miền Bắc tại Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp	9.030.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	210.413.554

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản vay ngắn hạn với số nợ gốc tại ngày 31/12/2021 là 23.587.843.072 VND (tại ngày 01/07/2021 là 23.587.843.072 VND) của Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp ngành Muối và Công ty Xây dựng và Tư vấn Đầu tư được sáp nhập vào với Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Muối Việt Nam), tuy nhiên các công ty này đã dừng hoạt động từ năm 2009 và Công ty không lưu trữ hồ sơ, không có xác nhận số dư, chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho các khoản vay này.

Các khoản thuế và phạt chậm nộp thuế chuyển từ Tổng Công ty Muối Việt Nam trước khi chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Muối Việt Nam) như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 vẫn chưa được thanh toán tại ngày 31/12/2021. Công ty chưa ước tính được đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến các khoản này.

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ hoạt động:

- Không bao gồm 9.600.000 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ hoạt động mà chưa được thanh toán
- Đã bao gồm 213.510.000 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang kỳ trước nhưng được thanh toán trong kỳ này.

Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 15.291.920.000 VND là tiền góp vốn phát sinh trong kỳ nhưng đã được nộp kỳ trước nên một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021, do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh tương ứng của kỳ trước.



Nguyễn Thị Hòa
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Thị Hòa
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Sơn
Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 11 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-24 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

11th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-24 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn